

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-GPMT TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum tại Văn bản số 2165/SNV-HCTH ngày 11 tháng 8 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 135/TTr-TNMT ngày 23 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án: “Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum” của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum (địa chỉ Tầng 8 tòa nhà A - Khối liên cơ quan tỉnh - Phường Thống Nhất, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum” tại Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:

- Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao triển khai thực hiện chủ trương đầu tư công trình: Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 372/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao triển khai thực hiện chủ trương đầu tư công trình: Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 1044/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư (điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi) xây dựng công trình Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Quy mô nhà 08 tầng, tổng diện tích sàn 2.396,1 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1,2,3 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên & Môi trường;
- Sở Nội vụ;
- Phòng TN&MT thành phố;
- UBND phường Thống nhất;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT,MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn:

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và khách vãng lai.

2. Dòng nước thải sinh hoạt: 01 dòng (tại khu vệ sinh).

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố trước khi xả ra sông Đăk Bla.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Tọa độ điểm tiếp nhận: X = 1.585.787; Y = 555.020.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,5 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

STT	Thông số	ĐVT	Nồng độ	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	7,01	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	250	50
3	TSS	mg/l	270	100
4	NH ₄ (tính theo N)	mg/l	41,5	10
5	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	30	50
6	Sulfua (theo H ₂ S)	mg/l	30	4,0
7	Tổng Coliforms	MPN/100ml	13,10 ⁶	5000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ TN&MT)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

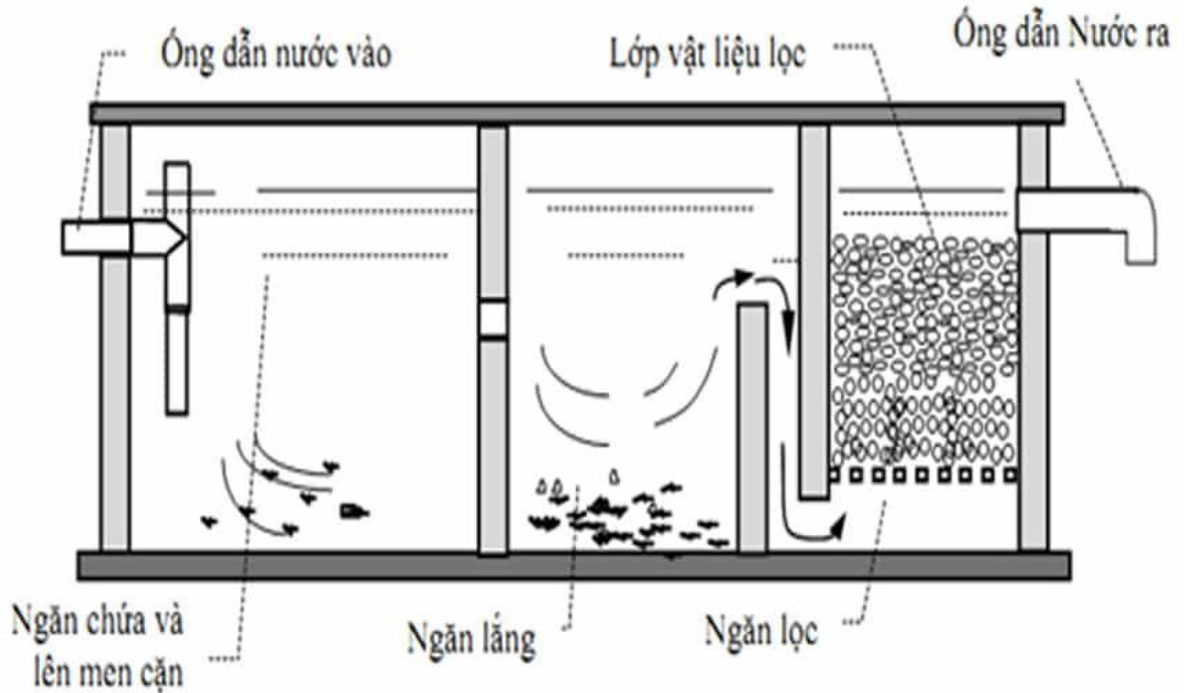
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Công trình thu gom, thoát nước thải phải đồng bộ, bảo đảm kết nối với các

công trình trên mạng lưới thoát nước và xử lý nước thải; bảo đảm công suất để vận chuyển, xử lý lượng nước thải của khu vực, có dự phòng với khối lượng nước thải phát sinh và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



Hình 1. Sơ đồ xử lý nước thải

- Bể tự hoại là công trình xử lý kỵ khí, trong bể tự hoại đồng thời xảy ra quá trình lắng cặn, giữ cặn và lên men cặn lắng. Quá trình xử lý nước thải sinh hoạt trong bể tự hoại chủ yếu diễn ra theo các bước sau: Thủy phân các chất hữu cơ phức tạp và chất béo thành các chất hữu cơ đơn giản làm nguồn dinh dưỡng và năng lượng cho vi khuẩn. Các vi khuẩn kỵ khí sẽ thực hiện quá trình lên men các chất hữu cơ đơn giản trên và chuyển hóa chúng thành CH_4 và CO_2 .

- Trong thời gian lưu nước từ 1 – 3 ngày, các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể. Cặn lắng trong bể qua thời gian 6 – 12 tháng sẽ phân hủy kỵ khí. Nước thải tiếp tục qua ngăn cuối cùng của bể và theo đường ống thu gom dẫn ra cống thoát nước chung của khu quy hoạch.

- Hiệu suất xử lý SS là 50%, COD là 30-45% (Theo tài liệu Trần Đức Hạ, 2002, *Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô vừa và nhỏ*, NXB KH&KT, Hà Nội).

- Bể tự hoại 03 ngăn được phân thành các ngăn như sau:

+ Ngăn chứa: Đây là ngăn có thể tích lớn nhất, gấp đôi các ngăn còn lại. Chất thải sẽ được đưa trực tiếp tại đây trong quá trình phân hủy. Các chất thải sau khi phân hủy thành bùn sẽ được chuyển tiếp sang ngăn lọc tiếp theo. Ngoài ra, một vài chất thải rắn khó phân hủy sẽ nằm lại tại ngăn này.

+ Ngăn lắng: Chiếm 25% thể tích bể chứa, ngăn lắng có chức năng giúp xử lý những vật thải rắn khó phân hủy ở ngăn chứa.

+ Ngăn lọc: Các phần bùn thải sau khi phân hủy sẽ được chuyển tiếp qua ngăn lọc. Các chất thải còn lơ lửng sẽ được lọc sạch.

- Với cấu tạo 3 ngăn với chức năng riêng biệt, chất thải sẽ được xử lý triệt và vệ sinh hơn. Nguồn thải được đưa ra ngoài đã được phân hủy, lọc bỏ hoàn toàn những chất thải khó phân hủy giúp hạn chế làm hư hỏng, tắc nghẹt đường ống.

- Bể tự hoại có hình chữ nhật và được đặt âm dưới mặt đất, có bố trí nắp thăm, ống thông hơi, xây dựng bằng bê tông cốt thép có lớp chống thấm tránh nước thải thấm vào môi trường đất ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm.

- Sau khi qua bể tự hoại, nước thải theo mạng lưới ống thu gom dẫn ra công thoát nước chung của khu quy hoạch.

Các thông số thiết kế của bể tự hoại như sau:

Chiều cao lớp nước (m)	Chiều rộng bể B, (m)	Chiều dài ngăn thứ nhất L1, (m)	Chiều dài ngăn thứ hai L2, (m)	Chiều dài ngăn thứ ba L3, (m)	Dung tích tổng (m ³)
1,2	1,5	1,5	0,75	0,75	2,5

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn: Máy phát điện dự phòng.
2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: Trong khuôn viên dự án.
3. Yêu cầu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn tại QCVN số 26:2010/BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	06 tháng/ lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Dự án khi đi vào hoạt động được trang bị máy phát điện dự phòng có công suất 75 KVA, điện áp 380/220V - 50 HZ, có vỏ chống ồn và bộ chuyển đổi nguồn tự động (ATS). Máy phát điện được đặt tại phòng kỹ thuật điện và được thiết kế đảm bảo các yêu cầu về chống cháy và chữa cháy thuận tiện cho việc quản lý và vận hành.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu khác:

- Bố trí khu vực kỹ thuật đặt máy phát điện, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, có đường thoát khí trong quá trình vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra đặc tính kỹ thuật của máy phát điện.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum.)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chung loại: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải; Pin, ắc quy thải; Các thiết bị, linh kiện điện tử thải...;

- Khối lượng: Khoảng 60 kg/ năm.

1.2. Chung loại, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chung loại: Giấy, bao bì thải, thiết bị máy móc văn phòng hỏng...

- Khối lượng: 15kg/ ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Mặt sàn trong khu vực kho bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

- Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 08 thùng rác nhựa có thể tích 240l (*kích thước 550 x 490 x 930mm*) để thu gom, lưu chứa tạm thời.

- Bố trí 1 thùng rác tông (*loại 660 lít*) để ở sân dự án để thu gom các rác thành phần tại các khu vực.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ.

- Trang bị hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy vách tường; Hệ thống chữa cháy ngoài nhà;

- Trang bị các bình chữa cháy và phương tiện chữa cháy.
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ và an toàn lao động sẽ góp phần hạn chế các sự cố, rủi ro trong quá trình hoạt động. Dưới đây là các yêu cầu cụ thể:
 - + Hệ thống phòng cháy của nhà máy phải được thiết kế theo tiêu chuẩn an toàn phòng cháy chữa cháy.
 - + Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng tại các điểm cao nhất của nhà máy.
 - + Kiểm tra thường xuyên các hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo động.